

Số: 169/QĐ-THPT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông**  
**của Trường THPT Đa Phúc**

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ tình hình thực tế về chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2024-2025 và công tác thu- chi tài chính năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo của Trường THPT Đa Phúc

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2024-2025 và công tác thu- chi tài chính năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo của Trường THPT Đa Phúc

(Kèm theo biểu mẫu số 09,10,11,12 và biểu thu chi tài chính)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận tài vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ phận tài vụ;
- Lưu VT.



Nguyễn Duy Hiền

**Biểu mẫu 09**  
**TRƯỜNG THPT ĐA PHÚC**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông  
năm học 2024 - 2025**



| TT  | Nội dung                                                                                                | Chia theo khối lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                         | LỚP 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | LỚP 11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | LỚP 12                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| I   | <b>Điều kiện tuyển sinh</b>                                                                             | - HS tốt nghiệp THCS có đủ điều kiện theo quy định về tuyển sinh của Sở GD&ĐT.<br>- Đạt điểm chuẩn vào trường                                                                                                                                                                                                                                           | - HS học hết lớp 10 đủ điều kiện lên lớp theo quy định về đánh giá xếp loại của Bộ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                       | - HS học hết lớp 11 đủ điều kiện lên lớp theo quy định về đánh giá xếp loại của Bộ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| II  | <b>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ</b>                                                 | - Học theo mô hình lớp với các môn học lựa chọn đáp ứng đa số nguyện vọng của học sinh.                                                                                                                                                                                                                                                                 | - Học theo mô hình lớp với các môn học lựa chọn đáp ứng đa số nguyện vọng của học sinh.                                                                                                                                                                                                                                                           | - Học ban cơ bản theo chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT và các nội dung giáo dục địa phương do Sở GD&ĐT                                                                                                                                                                                                                                                     |
| III | <b>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình<br/>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.</b> | - Nhà trường chủ động phối hợp với gia đình trong việc thông tin về tình hình HS, phối hợp với gia đình HS để cùng giáo dục.<br>- Thái độ học sinh học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực, sáng tạo, có tinh thần phấn đấu vươn lên                                                                                                                     | - Nhà trường chủ động phối hợp với gia đình trong việc thông tin về tình hình HS, phối hợp với gia đình HS để cùng giáo dục.<br>- Thái độ học sinh học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực, sáng tạo, có tinh thần phấn đấu vươn lên                                                                                                               | - Nhà trường chủ động phối hợp với gia đình trong việc thông tin về tình hình HS, phối hợp với gia đình HS để cùng giáo dục.<br>- Thái độ học sinh học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực, sáng tạo, có tinh thần phấn đấu vươn lên                                                                                                                          |
| IV  | <b>Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh</b>                             | - Với quy mô 12-15 lớp nhà trường có đủ phòng học chính khóa, các lớp có thể học thêm tại nhà trường từ 2-4 buổi/tuần, đủ các phòng thực hành, thí nghiệm, thư viện, nhà thể chất, sân chơi, bãi tập, một số phòng dạy bồi dưỡng học sinh, khu vệ sinh cho HS, giáo viên.<br>- Do đang cải tạo và xây dựng, nhà trường cố gắng hạn chế bụi và tiếng ồn. | - Với quy mô 15 lớp nhà trường đủ phòng học chính khóa, các lớp có thể học thêm tại nhà trường từ 2-4 buổi/tuần, đủ các phòng thực hành, thí nghiệm, thư viện, nhà thể chất, sân chơi, bãi tập, một số phòng dạy bồi dưỡng học sinh, khu vệ sinh cho HS, giáo viên.<br>- Do đang cải tạo và xây dựng, nhà trường cố gắng hạn chế bụi và tiếng ồn. | - Với quy mô 15 lớp nhà trường đủ phòng học chính khóa, các lớp có thể học thêm tại nhà trường từ 2-4 buổi/tuần, đủ các phòng thực hành, thí nghiệm, thư viện, nhà thể chất, sân chơi, bãi tập, một số phòng dạy bồi dưỡng và phù đạo học sinh, khu vệ sinh cho HS, giáo viên.<br>- Do đang cải tạo và xây dựng, nhà trường cố gắng hạn chế bụi và tiếng ồn. |
| V   | <b>Các loại hoạt động hỗ</b>                                                                            | - Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                 | - Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                           | - Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|      |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                   |
|------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.                     | hoạt động từ thiện, bồi dưỡng kỹ năng sống, các hoạt động hỗ trợ khác nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh                                                                                                                                                                                                                                                                            | từ thiện, bồi dưỡng kỹ năng sống, các hoạt động hỗ trợ khác nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh                                                                                 | từ thiện, bồi dưỡng kỹ năng sống, các hoạt động hỗ trợ khác nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh                                                    |
| VI   | Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đội ngũ giáo viên đủ theo quy định, 100% đạt chuẩn, trên 45% trình độ thạc sỹ (trên chuẩn), 90% có chuyên môn nghiệp vụ khá giỏi.</li> <li>- Sử dụng các biện pháp quản lý phù hợp với giáo dục phổ thông.</li> <li>- Tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, các hoạt động tập thể, định hướng hoạt động của 17 Câu lạc bộ học sinh.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                   |
| VII  | Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả rèn luyện: Tốt: 95%; Khá: 4,5% Đạt: 0,3%; chưa đạt: 0,2%</li> <li>- Kết quả học tập: Tốt: 55%; Khá: 40%; Đạt: 4,9%; chưa đạt: 0,1%</li> </ul>                                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả rèn luyện: Tốt: 95%; Khá: 4,5% Đạt: 0,3%; chưa đạt: 0,2%</li> <li>- Kết quả học tập: Tốt: 66%; Khá: 30%; Đạt: 3,9%; chưa đạt: 0,1%</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạnh kiểm : Tốt : 96%; Khá: 3,8%; TB: 0,2%, Yếu: 0%</li> <li>- Học lực: Giỏi : 60%; Khá: 37%; TB: 3%, Yếu: 0%</li> </ul> |
| VIII | Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.                                   | - Tiếp tục học lên lớp 11 đạt: 100%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | - Tiếp tục học lên lớp 12 đạt: 100%                                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục học lên đại học đạt: 85%</li> <li>- Tiếp tục học cao đẳng, trung cấp, nghề: 15%</li> </ul>                      |

Người lập biểu

Lư Văn Thủy

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Hiền

Mẫu số 10  
TRƯỜNG THPT ĐA PHÚC

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông  
Năm học 2023 – 2024



| STT        | Nội dung                                                                  | Tổng số     | Chia ra theo khối lớp |                 |                 |
|------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------|-----------------|
|            |                                                                           |             | Lớp 10                | Lớp 11          | Lớp 12          |
| <b>I</b>   | <b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm K11 và K12, Kết quả rèn luyện K10</b>  | <b>2028</b> | <b>675</b>            | <b>680</b>      | <b>673</b>      |
| 1          | Tốt (tỷ lệ so với tổng số)                                                | 96,75%      | 639<br>(94,67%)       | 674<br>(99,12%) | 649<br>(96,43%) |
| 2          | Khá (tỷ lệ so với tổng số)                                                | 3,16%       | 34                    | 06              | 24              |
| 3          | Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)                                     | 0,045%      | 01                    | 0               | 0               |
| 4          | Yếu/chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)                                       | 0,045%      | 01                    | 0               | 0               |
| <b>II</b>  | <b>Số học sinh chia theo học lực</b>                                      | <b>2028</b> | <b>675</b>            | <b>680</b>      | <b>673</b>      |
| 1          | Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)                                           | 55,82%      | 373                   | 549             | 210             |
| 2          | Khá (tỷ lệ so với tổng số)                                                | 21,03%      | 281                   | 127             | 24              |
| 3          | Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)                                     |             | 20                    | 03              | 01              |
| 4          | Yếu/chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)                                       |             | 01                    | 1               | 01              |
| 5          | Kém (tỷ lệ so với tổng số)                                                |             | 0                     | 0               | 0               |
| <b>III</b> | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>                                          | <b>100%</b> | <b>100%</b>           | <b>100%</b>     | <b>100%</b>     |
| 1          | Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)                                            | 100%        | 100%                  | 100%            | 100%            |
| a          | Học sinh giỏi, xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)                            | 55,82%      | 373                   | 549             | 210             |
| b          | Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)                                 | 21,03%      | 281                   | 127             | 24              |
| 2          | Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)                                            | 0           | 0                     | 0               | 0               |
| 3          | Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)                                            | 0           | 0                     | 0               | 0               |
| 4          | Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)                               | 1/2         | 0                     | 2/1             | 0               |
| 5          | Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)                                        | 0           | 0                     | 0               | 0               |
| 6          | Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số) | 0           | 0                     | 0               | 0               |
| <b>IV</b>  | <b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>                      |             |                       |                 |                 |
| 1          | Cấp tỉnh/thành phố K12 (K10, K11 cấp Cụm)                                 |             |                       |                 |                 |
| 2          | Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế                                    |             |                       |                 |                 |
| <b>V</b>   | <b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>                          | <b>673</b>  |                       |                 |                 |

|      |                                                                               |          |         |         |         |
|------|-------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|---------|---------|
| VI   | Số học sinh được công nhận tốt nghiệp                                         |          |         |         |         |
| VII  | Số học sinh thi đỗ đại học công lập<br>(tỷ lệ so với tổng số)                 |          |         |         |         |
| VIII | Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập<br>(tỷ lệ so với tổng số) |          |         |         |         |
| IX   | Số học sinh nam/số học sinh nữ                                                | 883/1145 | 286/389 | 286/394 | 311/362 |
| X    | Số học sinh dân tộc thiểu số                                                  | 13       | 4       | 8       | 1       |

Người lập biểu



Lưu Văn Thủy

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Hiền

Biểu mẫu 11  
TRƯỜNG THPT ĐA PHÚC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,  
năm học 2024- 2025



| STT         | Nội dung                                                                           | Số lượng | Bình quân                   |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------|
| <b>I</b>    | <b>Số phòng học</b>                                                                | 30       | Số m <sup>2</sup> /học sinh |
| <b>II</b>   | <b>Loại phòng học</b>                                                              |          | -                           |
| 1           | Phòng học kiên cố                                                                  | 24       | -                           |
| 2           | Phòng học bán kiên cố                                                              | 0        | -                           |
| 3           | Phòng học tạm                                                                      | 0        | -                           |
| 4           | Phòng học nhờ                                                                      | 0        | -                           |
| 5           | Số phòng học bộ môn                                                                | 6        | -                           |
| 6           | Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)                               | 1        | -                           |
| 7           | Bình quân lớp/phòng học                                                            |          | -                           |
| 8           | Bình quân học sinh/lớp                                                             | 45       | -                           |
| <b>III</b>  | <b>Số điểm trường</b>                                                              | 1        | -                           |
| <b>IV</b>   | <b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>                                       |          |                             |
| <b>V</b>    | <b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>                            | 2 500    | 1.6                         |
| <b>VI</b>   | <b>Tổng diện tích các phòng</b>                                                    |          |                             |
| 1           | Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )                                              | 1 320    | 0.8                         |
| 2           | Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )                                       | 360      | 0.23                        |
| 3           | Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )                                         | 80       | 0.05                        |
| 3           | Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )                                               | 120      | 0.08                        |
| 4           | Diện tích nhà tập đa năng<br>(Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> ) | 799      | 0.51                        |
| 5           | Diện tích phòng khác (....)(m <sup>2</sup> )                                       | 400      | 0.25                        |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu<br/>(Đơn vị tính: bộ)</b>                    | 436      | Số bộ/lớp                   |
| 1           | Khối lớp 10                                                                        | 113      | 7.69                        |
| 2           | Khối lớp 11                                                                        | 124      | 9.54                        |
| 3           | Khối lớp 12                                                                        | 199      | 16.58                       |
| 4           | Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)                                |          |                             |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập<br/>(Đơn vị tính: bộ)</b>      | 75       | Số học sinh/bộ<br>21        |